

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 942^A/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 03/12/2018
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Đại học Thái Nguyên)

Tên ngành, nghề: Tài chính Ngân hàng

Mã ngành, nghề: 6340202

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2,5 năm. Trong đó:

- Thời gian học tập: 2,0 năm

- Thời gian thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm: 0,5 năm.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân thực hành về Tài chính ngân hàng trình độ cao đẳng có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, có năng lực làm việc tốt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

+ Tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến ngành tài chính ngân hàng:

+ Biết, hiểu, phân tích được những nguyên lý, kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng trong lĩnh vực kinh doanh.

+ Nắm vững kiến thức về hệ thống tài chính, ngân hàng của Việt Nam, đối chiếu với hệ thống tài chính, ngân hàng quốc tế để vận dụng cho hệ thống doanh nghiệp và tổ chức trong và ngoài Việt Nam

+ Phân tích, đánh giá, vận dụng được những kiến thức cơ bản của khoa học quản lý trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

+ Vận dụng được những kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học công nghệ, luật pháp... trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng, góp phần xây dựng hệ thống tài chính và ngân hàng Việt Nam cập nhật và tiệm cận với chuẩn mực chung của quốc tế,

ngoài ra cần quan tâm đến những vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường trong ngành ngân hàng như đầu tư vào các dự án xanh.

- + Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

- + Kiến thức thực tế về quản lý, nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình thực hiện trong các báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và các hoạt động ngân hàng thương mại.

- Về kỹ năng:

- + Kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo để xác định, phân tích và đánh giá thông tin trong quá trình ra quyết định quản lý;

- + Kỹ năng thực hành nghề nghiệp giải quyết phần lớn các công việc phức tạp trong phạm vi của ngành tài chính ngân hàng;

- + Kỹ năng nhận thức, tư duy sáng tạo để xác định, phân tích và đánh giá thông tin trong phạm vi rộng.

- + Kỹ năng truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người khác tại nơi làm việc;

- + Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Có phẩm chất đạo đức, ý thức và tác phong nghề nghiệp, trách nhiệm công dân.

- + Có phương pháp làm việc khoa học; biết xác định, phân tích các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn; đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy, sáng tạo trong thực hiện công việc.

- + Có khả năng làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm.

- + Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn.

- + Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện.

- Chính trị, đạo đức:

- + Biết, hiểu và thực hiện trong thực tế cuộc sống những kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật trong thể chế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- + Biết, hiểu và thực hiện được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- + Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

- + Luôn chấp hành các nội quy, qui chế của nơi làm việc;

- + Có trách nhiệm, thái độ học tập chuyên cần và cầu tiến;

- + Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý;

- Thể chất và quốc phòng:

- + Có sức khỏe, thường xuyên rèn luyện sức khỏe để hoàn thành tốt các công việc;

- + Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện tốt trách nhiệm của bản thân về lao động quốc phòng;

+ Có khả năng tuyên truyền, giải thích về trách nhiệm của công dân đối với nền quốc phòng của đất nước.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên sẽ làm việc tại các vị trí:

- Giao dịch viên tại các ngân hàng;
- Chuyên viên tín dụng tại các ngân hàng;
- Nhân viên phòng tài chính của các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp...

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 27
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 90 tín chỉ - 2061 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1626 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 605 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1363 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	TH, BT, TL	Kiểm tra
I	Các môn học chung					
POL121(MH)	Giáo dục chính trị - 1	2	36	20	14	2
POL122(MH)	Giáo dục chính trị - 2	2	39	21	15	3
LAW121(MH)	Pháp luật	2	30	18	10	2
PHE121(MH)	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MIE141(MH)	Giáo dục quốc phòng - An ninh	4	75	36	35	4
GIF131(MH)	Tin học	3	75	15	58	2
ENG131(MH)	Tiếng Anh – 1	3	72	25	43	4
ENG122(MH)	Tiếng Anh – 2	2	48	16	30	2
	Tổng (I)	20	435	156	256	23
II	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở					
PMA221(MH)	Toán xác suất thống kê	2	36	22	12	2
ECL131(MH)	Luật kinh tế	3	45	22	20	3
FAM121(MH)	Tài chính tiền tệ	2	30	16	12	2

AIS141(MĐ)	Tin học ứng dụng	4	60	25	30	5
ACP131(MH)	Nguyên lý kế toán	3	45	22	20	3
MES131(MH)	Kinh tế vi mô	3	45	22	20	3
	Tổng (II.1)	17	261	129	114	18
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn					
BFE251(MĐ)	Tài chính doanh nghiệp	5	120	27	90	3
BMT231(MĐ)	Quản trị ngân hàng	3	75	25	45	5
BAT251(MĐ)	Kế toán ngân hàng	5	120	27	90	3
TER231(MĐ)	Soạn thảo văn bản	3	75	25	45	5
CBG241(MĐ)	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	4	90	30	54	6
CTB241(MĐ)	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	4	75	41	30	4
CBS241(MĐ)	Tín dụng và các dịch vụ ngân hàng	3	75	25	45	5
FIE231(MĐ)	Tài chính công	3	75	25	45	5
MSS241(MĐ)	Thị trường chứng khoán	5	120	27	90	3
FLS241(MĐ)	Thuê mua tài chính	5	120	27	90	3
IFE241(MĐ)	Tài chính quốc tế	4	75	41	30	4
PPE341(MĐ)	Thực hành nghề nghiệp	4	120	0	114	6
PEE341(MĐ)	Thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm	5	225	0	225	0
	Tổng (II.2)	53	1365	320	993	52
	Tổng (II)	70	1626	449	1107	70
	Tổng cộng	90	2061	605	1363	93

Ghi chú:

- Tỷ lệ giờ thực hành/tổng số giờ: 66 %.

- Tổng số giờ thực hành, thực tập thực tế (gồm giờ thực hành MH, MĐ và giờ thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm): 2163 giờ (Trong đó có 800 giờ thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm).

- Quy định về thời lượng:

+) 01 tín chỉ = (15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học) hoặc (30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận +15 giờ tự học) hoặc (45 giờ thực tập cơ sở, làm tiểu luận, đồ án, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp...).

+) 01 giờ học lý lý thuyết = 45 phút; 1 giờ học thực hành/tích hợp = 60 phút.

- Bố trí giờ thực hành của các MH, MĐ chuyên môn nghề (trừ TTTN-TN):

+) Lớp < 10 sinh viên: Bố trí 20% thực hành tại trường; 80% thực hành tại các doanh nghiệp.

+) Lớp >10 sinh viên: Bố trí 40% thực hành tại trường; 60% thực hành tại các doanh nghiệp.

- Đối với học sinh trung cấp học ghép:

Không phải học các MH chung: POL122; ENG122; MH cơ sở nghề: PMA221 và các MĐ chuyên nghề: FIE231, MSS241, PPE341, IFE241, FLS241.

- Đối với sinh viên liên thông trung cấp lên cao đẳng học ghép:

+) Sinh viên của Nhà trường: Học thêm các MH chung: POL122; ENG122; MH cơ sở nghề: PMA221 và các MĐ chuyên nghề: FIE231, MSS241, PPE341, IFE241, FLS241.

+) Sinh viên tốt nghiệp trung cấp ở các trường khác: Căn cứ vào kết quả học tập, Nhà trường sẽ có chương trình đào tạo cụ thể, phù hợp.

- Nguyên tắc xây dựng Thời khóa biểu: Nhà trường sẽ căn cứ vào đặc điểm, tình hình cụ thể của từng lớp để xây dựng TKB phù hợp.

4. Phân kỳ chương trình đào tạo

PHÂN KỲ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
NGÀNH NGHỀ: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Loại Giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			Phân theo học kỳ					
				Tổng số	Trong đó		HKI	HKII	HKIII	HKIV	HKV	
					LT	TH/ BT						KT
I	Các môn học chung/đại cương											
POL121(MH)	Giáo dục chính trị - 1	Lý thuyết	2	36	20	14	2			36		
POL122(MH)	Giáo dục chính trị - 2	Lý thuyết	2	39	21	15	3				39	
LAW121(MH)	Pháp luật	Lý thuyết	2	30	18	10	2	30				
PHE121(MH)	Giáo dục thể chất	Thực hành	2	60	5	51	4				60	
MIE141(MH)	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Thực hành	4	75	36	35	4			75		
GIF131(MH)	Tin học	Thực hành	3	75	15	58	2	75				
ENG131(MH)	Tiếng Anh - 1	Tích hợp	3	72	25	43	4	72				
ENG122(MH)	Tiếng Anh - 2	Tích hợp	2	48	16	30	2		48			
	Tổng (I)		20	435	156	256	23	177	48	111	99	0
II	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề											
II.1	Môn học, mô đun cơ sở											
PMA221(MH)	Toán xác suất thống kê	Lý thuyết	2	36	22	12	2	36				
ECL131(MH)	Luật kinh tế	Lý thuyết	3	45	22	20	3	45				
FAM121(MH)	Tài chính tiền tệ	Lý thuyết	2	30	16	12	2	30				
AIS141(MĐ)	Tin học ứng dụng	Tích hợp	4	60	25	30	5	60				

ACP131(MH)	Nguyên lý kế toán	Lý thuyết	3	45	22	20	3	45				
MES131(MH)	Kinh tế vi mô	Lý thuyết	3	45	22	20	3	45				
	Tổng (II.1)		17	261	129	114	18	261	0			
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn ngành nghề:											
BFE251(MĐ)	Tài chính doanh nghiệp	Tích hợp	5	120	27	90	3		120			
BMT231(MĐ)	Quản trị ngân hàng	Tích hợp	3	75	25	45	5	75				
BAT251(MĐ)	Kế toán ngân hàng	Tích hợp	5	120	27	90	3		120			
TER231(MĐ)	Soạn thảo văn bản	Tích hợp	3	75	25	45	5		75			
CBG241(MĐ)	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Tích hợp	4	90	30	54	6		90			
CTB241(MĐ)	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	Tích hợp	4	75	41	30	4			75		
CBS241(MĐ)	Tín dụng và các dịch vụ ngân hàng	Tích hợp	3	75	20	45	5			75		
FIE231(MĐ)	Tài chính công	Tích hợp	3	75	20	45	5			75		
MSS241(MĐ)	Thị trường chứng khoán	Tích hợp	5	120	27	90	3			120		
FLS241(MĐ)	Thuê mua tài chính	Tích hợp	5	120	27	90	3				120	
IFE241(MĐ)	Tài chính quốc tế	Tích hợp	4	75	41	30	4				75	
PPE341(MĐ)	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành	4	120	0	114	6				120	
PEE341(MĐ)	Thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm		5	225	0	225	0					225
	Tổng (II.2)		53	1365	320	993	52	75	405	345	315	225
	Tổng (II)		70	1626	449	1107	70	336	405	345	315	225
	Tổng cộng		90	2061	605	1363	93	513	453	456	414	225
	Tổng giờ theo HK											

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Phương thức tổ chức đào tạo: Chương trình đào tạo của ngành Tài chính ngân hàng được thực hiện theo phương thức Tích lũy tín chỉ.

5.1. Các môn học chung

Các môn học chung được thực hiện theo quy định bắt buộc của Bộ LĐTBXH về chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học.

5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Nhà trường bố trí tham quan một số cơ quan, đơn vị phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

5.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

Việc tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun và được thực hiện theo quy định trong Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (gọi tắt là *Thông tư 09*) và Quyết định số 654/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 12/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc ban hành Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ và kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (gọi tắt là *Quyết định 654*).

5.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Việc tổ chức xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định trong Thông tư 09 và Quyết định 654.

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng của ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Ngô Xuân Hoàng